

Số: 51/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Nam Cần Thơ

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 400/QĐ-KĐCL ngày 28/4/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXII của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 401/QĐ-KĐCL ngày 28/4/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục để thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cho các cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo tại Phiên họp thứ XXII;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Nam Cần Thơ, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XXII ngày 17/5/2023 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Nam Cần Thơ của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Nam Cần Thơ theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường và đã được Nhà trường đồng thuận. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Nam Cần Thơ cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).

2. Kiến nghị Trường Đại học Nam Cần Thơ cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Nam Cần Thơ.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Đinh Văn Toàn

Phụ lục I**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ**

(Kèm theo Nghị quyết số: 51/NQ-HĐKĐCL ngày 18 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình	Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	4,18	Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	3,92
Tiêu chuẩn 1	4,20	Tiêu chuẩn 13	4,20
Tiêu chuẩn 2	4,25	Tiêu chuẩn 14	3,80
Tiêu chuẩn 3	4,50	Tiêu chuẩn 15	4,00
Tiêu chuẩn 4	3,75	Tiêu chuẩn 16	3,75
Tiêu chuẩn 5	4,25	Tiêu chuẩn 17	4,00
Tiêu chuẩn 6	3,86	Tiêu chuẩn 18	4,00
Tiêu chuẩn 7	4,60	Tiêu chuẩn 19	3,75
Tiêu chuẩn 8	4,00	Tiêu chuẩn 20	3,75
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	4,00	Tiêu chuẩn 21	4,00
Tiêu chuẩn 9	4,00	Mục 4. Kết quả hoạt động	4,08
Tiêu chuẩn 10	4,25	Tiêu chuẩn 22	4,25
Tiêu chuẩn 11	3,75	Tiêu chuẩn 23	3,83
Tiêu chuẩn 12	4,00	Tiêu chuẩn 24	4,25
		Tiêu chuẩn 25	4,00

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

*(Kèm theo Nghị quyết số: 51/NQ-HĐKĐCL ngày 18 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Nam Cần Thơ giai đoạn 2018-2022 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi được cập nhật, phù hợp với chiến lược phát triển Trường và với chiến lược phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Hệ thống quản trị và cơ cấu quản lý được thiết lập và tổ chức theo quy định và phù hợp với thực tiễn. Đội ngũ nhân sự và hệ thống văn bản quản trị, điều hành được rà soát, cập nhật. Các chỉ số KPIs được xác lập cho các lĩnh vực hoạt động chính, được điều chỉnh phù hợp với kế hoạch chiến lược và có các chính sách phù hợp, khả thi. Đội ngũ giảng viên, nhân viên có sự gia tăng; được tạo điều kiện phát triển về chuyên môn, nghiệp vụ. Nguồn thu đa dạng hóa, được sử dụng hiệu quả, phân bổ hợp lý, đảm bảo tái đầu tư, duy trì và phát triển các hoạt động. Cơ sở vật chất, hệ thống các trang thiết bị, phòng thí nghiệm được quy hoạch, đầu tư, hình thành nên một khuôn viên đại học đồng bộ, hiện đại. Mạng lưới phát triển các đối tác, quan hệ đối ngoại bước đầu được thiết lập, thể hiện được thế mạnh bản sắc của Trường.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng được thiết lập và vận hành khá hiệu quả. Đội ngũ cán bộ chuyên trách có chuyên môn, nghiệp vụ, được đào tạo, bồi dưỡng. Các chính sách đảm bảo chất lượng được điều chỉnh, cập nhật. Các hoạt động đảm bảo chất lượng được triển khai hỗ trợ cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động. Công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng được triển khai. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được xây dựng đã hỗ trợ cho các cấp ra quyết định phù hợp. Công nghệ thông tin được ứng dụng trong thu thập và quản lý dữ liệu thông tin. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin đối sánh được thiết lập và bước đầu được thực hiện; kết quả đối sánh được sử dụng làm căn cứ cải tiến chất lượng các hoạt động.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Tiêu chí và phương thức tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai; chất lượng tuyển sinh khá ổn định; chính sách truyền thông về tuyển sinh được đầu tư mạnh, hiệu quả; quy mô tuyển sinh tăng mạnh. Triết lý giáo dục được truyền thông rộng rãi, được chuyển tải vào chương trình đào tạo và các hoạt động dạy và học phù hợp với mục tiêu phát triển đa ngành có tính ứng dụng thực tiễn. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được cải tiến phù hợp, đa dạng. Kế hoạch phát triển hợp tác, nghiên cứu khoa học và kết nối, phục vụ cộng đồng được thiết lập và có các chính sách phù hợp để thực hiện; các chỉ số thực hiện chính được xây dựng, rà soát, điều chỉnh và được sử dụng để đánh giá, cải tiến. Hệ thống, quy trình tổ chức, quản lý kết quả nghiên cứu khoa học, sở hữu trí tuệ khá quy củ; kết quả nghiên cứu được cấp bằng sáng chế, được thương mại hóa và bước đầu tạo được nguồn thu.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống quản lý học tập được triển khai; tỉ lệ tốt nghiệp, thời học, thời gian tốt nghiệp trung bình được giám sát, đánh giá. Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao; chất lượng người học tốt nghiệp được các nhà sử dụng lao động đánh giá khá tốt. Số lượng, loại hình nghiên cứu khoa học được xác định và đầu tư; kết quả nghiên cứu của người

học, kết quả công bố khoa học trên hệ thống ISI, Scopus của giảng viên tăng đáng kể. Các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng có nhiều tác động xã hội tích cực, được ghi nhận. Kết quả và các chỉ số tài chính của các hoạt động được xác lập; các chỉ số tài chính trọng tâm về chỉ tiêu tuyển sinh, doanh thu đào tạo, số lượng đề tài nghiên cứu khoa học, số lượng công bố khoa học... được rà soát, đối sánh. Doanh thu từ hoạt động đào tạo, số lượng đề tài nghiên cứu khoa học tăng, đặc biệt đã bước đầu hình thành một hệ sinh thái đào tạo - nghiên cứu ứng dụng - đổi mới sáng tạo.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Rà soát, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, thể hiện rõ hơn mục tiêu phát triển Trường ngang tầm khu vực Đông Nam Á và hướng tới trở thành trường đại học tư thục đa ngành hàng đầu ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Khẳng định nhất quán giá trị đổi mới, sáng tạo trong các nghị quyết của đảng bộ. Sớm tổng kết vai trò của đổi mới sáng tạo tác động đến hiệu quả của các hoạt động để có các giải pháp và cơ chế mạnh mẽ hơn.

2. Rà soát, hoàn chỉnh quy chế tổ chức và hoạt động; ban hành đầy đủ các văn bản quản trị, trách nhiệm giải trình, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động của hệ thống quản trị. Bổ sung và có hướng dẫn cụ thể với khung logic tổ chức thực hiện quyết định của các cơ quan quản trị chuyển tải thành các kế hoạch hành động. Có các giải pháp hiệu quả quản trị rủi ro đối với sự phát triển nhanh của quy mô đào tạo đồng bộ với phát triển đội ngũ. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ về quản trị chiến lược, quản trị hệ thống, quản trị theo kết quả, xây dựng và thực hiện các định hướng chiến lược.

3. Có quy định việc rà soát định kỳ cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, hoàn thiện và bổ sung các kênh đánh giá năng lực cán bộ lãnh đạo, quản lý nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả công tác điều hành, quản lý Nhà trường. Chú trọng bồi dưỡng, nâng cao năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp; rà soát, lập kế hoạch cụ thể định kỳ quy hoạch, bồi dưỡng nâng cao chất lượng cán bộ lãnh đạo, quản lý.

4. Có quy trình, hướng dẫn cụ thể việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển Trường và kế hoạch chiến lược phát triển của các đơn vị. Rà soát, điều chỉnh các chỉ tiêu chiến lược bám sát sứ mạng, tầm nhìn; xây dựng bổ sung các chỉ tiêu phát triển hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng. Có lộ trình thực hiện kế hoạch chiến lược theo năm với các chỉ tiêu cụ thể. Có quy định và triển khai việc giám sát, đánh giá mức độ đạt được các chỉ tiêu phấn đấu, làm cơ sở cho việc xác định nhiệm vụ năm học tiếp theo và đề xuất các giải pháp hữu hiệu để thực hiện, điều chỉnh.

5. Ban hành hướng dẫn chi tiết về công tác xây dựng chính sách, bồi dưỡng nâng cao năng lực xây dựng chính sách cho các cán bộ liên quan trên các lĩnh vực hoạt động chủ yếu. Định kỳ rà soát, đánh giá kết quả thực hiện, việc tuân thủ các chính sách, quy định quy chế của các cơ quan quản lý cấp trên. Hằng năm, đánh giá hiệu quả, tác động của các chính sách đến kết quả thực hiện chỉ tiêu chiến lược và khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan để có những cập nhật điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

6. Điều chỉnh các chính sách tuyển dụng để thu hút giảng viên, nhà khoa học trình độ cao; có giải pháp cụ thể để tăng tỷ lệ GS, PGS, TS đảm bảo các điều kiện mở ngành và duy trì

ngành theo Thông tư 02/2021/TT-BGDĐT. Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong giảng viên; có các chế độ, chính sách khen thưởng phù hợp đối với các thành tích đạt được. Xác lập và đưa vào các quy định nhiệm vụ phục vụ cộng đồng đối với cán bộ, giảng viên. Rà soát, cập nhật Đề án Vị trí việc làm; bổ sung các tiêu chuẩn năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; năng lực đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

7. Có giải pháp đa dạng hóa nguồn thu, tăng nguồn thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và dịch vụ. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty, doanh nghiệp, bệnh viện, viện nghiên cứu trực thuộc Trường. Tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, tốc độ và độ phủ của mạng internet; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng các hệ thống phần mềm quản lý học tập LMS vào giảng dạy, đào tạo; xây dựng hệ thống phần mềm quản lý tổng thể các nguồn lực ERP. Phát triển thư viện số, học liệu số, tăng cường sự kết nối với hệ thống thư viện và các nhà xuất bản trong nước và quốc tế. Đầu tư mới và nâng cấp các phòng thí nghiệm, trang thiết bị thực hành cơ sở, đại cương và chuyên ngành hóa học, kỹ thuật cơ khí động lực, kỹ thuật môi trường, công nghệ thực phẩm.

8. Ban hành các chính sách, quy định, hướng dẫn, giải pháp cụ thể về đối ngoại, chú trọng đến các hoạt động hợp tác trong nước và có đơn vị đầu mối quản lý thống nhất các hoạt động. Nghiên cứu xây dựng các chỉ số về phát triển đối ngoại, đặc biệt chú trọng hợp tác với các đối tác liên quan đến thế mạnh của Trường. Đầu tư các nguồn lực phù hợp để tận dụng có hiệu quả các cơ hội từ các hoạt động đối ngoại để nâng cao chất lượng đội ngũ, khoa học công nghệ gia tăng giá trị học thuật và nâng cao giá trị và uy tín; tăng cường truyền thông về những thành tích hợp tác và đối ngoại của Nhà trường.

9. Rà soát tổng thể, tích hợp hệ thống các quy định, quy trình đảm bảo chất lượng để thuận tiện trong việc thực hiện và giám sát. Phân tích các kết quả đạt được từ tự đánh giá và kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo để cải tiến các quy định về đảm bảo chất lượng. Tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong liên quan đến các quy định, hướng dẫn, về năng lực đảm bảo chất lượng của hệ thống để hỗ trợ hiệu quả việc thực hiện chức năng đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng hướng đến quản trị hiệu quả Nhà trường. Sử dụng các kết quả đối sánh xếp hạng để thiết lập các chỉ số đầu ra hướng đến đạt được các mục tiêu chiến lược, sứ mạng và tầm nhìn của Trường.

10. Định kỳ tự đánh giá các chương trình đào tạo, có các biện pháp cải tiến chất lượng dựa trên các phát hiện từ hoạt động tự đánh giá và kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo. Cập nhật hệ thống thu thập thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, phân tích kết quả để có các thông tin hữu ích phục vụ cải tiến chất lượng. Nghiên cứu ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý, quản trị đại học để hỗ trợ hiệu quả hơn nữa cho quá trình tự đánh giá và kiểm định chất lượng, cải tiến chất lượng.

11. Quản lý thống nhất các cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng bên trong để phục vụ kịp thời yêu cầu quản trị, quản lý và có các đầu tư tương xứng về các điều kiện đảm bảo chất lượng, nhất là trong bối cảnh quy mô đào tạo tăng nhanh. Cải tiến nội dung khảo sát, công cụ khảo sát, cách thức khảo sát ý kiến các bên liên quan đảm bảo khoa học để có các thông tin có ý nghĩa phục vụ cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng hướng đến thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của Trường.

12. Rà soát, cập nhật các quy định, quy trình đối sánh; điều chỉnh tiêu chí lựa chọn cơ sở giáo dục để đối sánh cải tiến chất lượng, thực hiện đối sánh theo quy định. Nghiên cứu đầu

tư nâng cao năng lực đảm bảo chất lượng bên trong về đội ngũ, hạ tầng công nghệ thông tin, công cụ và cách thức khảo sát để đảm bảo các thông tin thu thập được phân tích, xử lý và quản lý thống nhất và chủ động. Xác định bổ sung các chỉ số thị trường của cơ sở giáo dục để so chuẩn đối sánh và cải tiến chất lượng, đặc biệt quan tâm chỉ số cạnh tranh liên quan đến mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động đối với chất lượng người học tốt nghiệp.

13. Tham khảo rộng rãi các chính sách phát triển và nhu cầu của xã hội, xác định chính xác chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp với năng lực đào tạo của Trường; phân tích đa chiều kết quả tuyển sinh theo địa phương, theo phương thức và tổ hợp xét tuyển để có các điều chỉnh phù hợp. Ban hành quy trình chi tiết về giám sát công tác tuyển sinh và nhập học phù hợp với đặc thù; cải tiến phương thức và chính sách tuyển sinh cho các chương trình đào tạo sau đại học.

14. Có quy định, hướng dẫn về công tác xây dựng, điều chỉnh chuẩn đầu ra và phát triển chương trình đào tạo dựa trên chuẩn đầu ra. Rà soát các học phần, xác định chuẩn xác mức độ đóng góp của các học phần vào thực hiện chuẩn đầu ra, tăng tính tương thích với nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá học phần. Nắm bắt nhu cầu của thị trường lao động hiện tại và xu hướng trong tương lai để cập nhật những yêu cầu mới của ngành đào tạo thông qua các chính sách, chiến lược phát triển ngành và kinh tế xã hội của Chính phủ, bộ ngành và địa phương. Tăng cường tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến trong và ngoài nước để điều chỉnh chương trình đào tạo, chú trọng phát triển cho sinh viên năng lực khởi nghiệp và các kỹ năng mềm theo yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0.

15. Có quy định, hướng dẫn cụ thể việc chuyển tải triết lý giáo dục vào hoạt động đào tạo. Có các giải pháp hiệu quả nâng cao tỉ lệ giảng viên có học hàm, học vị; rà soát, đánh giá tổng thể mức độ đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực theo yêu cầu của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT làm căn cứ để xây dựng quy hoạch phát triển nguồn nhân lực. Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá chất lượng giảng dạy, bổ sung các nội dung đánh giá về ứng dụng công nghệ thông tin, về tính phù hợp của phương pháp dạy học với mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần. Đẩy mạnh liên kết với các doanh nghiệp trong đào tạo; tăng cường áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, tiên tiến.

16. Xây dựng và ban hành các hướng dẫn cụ thể về việc lựa chọn các phương thức đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra; xây dựng kế hoạch và phương pháp cụ thể để thực hiện đo lường được mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo yêu cầu của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT. Thực hiện phân tích, đánh giá mức độ phù hợp của các phương pháp kiểm tra đánh giá, nhất là đánh giá các kỹ năng tự học, làm việc nhóm, khả năng sáng tạo và năng lực học tập suốt đời để có những điều chỉnh, cải tiến phù hợp, hiệu quả.

17. Xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu người học tích hợp và thông minh. Có các kế hoạch hành động cụ thể đẩy mạnh và triển khai thường xuyên các hoạt động hỗ trợ người học về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học; tăng cường hoạt động trải nghiệm cho người học làm quen với môi trường, văn hóa doanh nghiệp và cập nhật công nghệ mới. Nghiên cứu điều chỉnh nội dung khảo sát lấy ý kiến của người học đối với chất lượng dịch vụ hỗ trợ, bao gồm thái độ và năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ.

18. Xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học trên cơ sở đánh giá thực tiễn triển khai và yêu cầu của Chiến lược phát triển và tiềm năng nghiên cứu của Trường. Có định hướng khai thác nguồn kinh phí nghiên cứu thông qua kết nối với địa phương, tận dụng khai thác được nguồn kinh phí cho hoạt động nghiên cứu từ các doanh nghiệp được trích lập theo

quy định; đầu tư hơn nữa cho thúc đẩy kết nối nghiên cứu và phối hợp nguồn lực nghiên cứu bên trong và bên ngoài. Xác định các chỉ tiêu về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, thúc đẩy chuyển giao và thương mại hoá sản phẩm nghiên cứu khoa học hướng tới giá trị cốt lõi “sáng tạo” của Trường. Xây dựng các hướng nghiên cứu mũi nhọn; tăng cường kết nối, hợp tác và thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng nghiên cứu làm tiền đề cho thúc đẩy nghiên cứu khoa học chuyên sâu.

9. Có chiến lược tạo tài sản trí tuệ, định hướng và kế hoạch triển khai quản lý sở hữu trí tuệ, chính sách hỗ trợ nhận diện, khai thác tài sản trí tuệ. Có cơ chế khuyến khích, giám sát, tư vấn chuyển giao và thương mại hoá kết quả nghiên cứu khoa học; định kỳ tổ chức tập huấn và thúc đẩy truyền thông về sở hữu trí tuệ cho cán bộ, giảng viên và sinh viên. Rà soát, điều chỉnh quy định về sở hữu trí tuệ, bổ sung điều khoản về định hướng, chính sách khuyến khích. Định kỳ tổng kết và đánh giá công tác bảo vệ sở hữu trí tuệ; đầu tư phần mềm quản lý khoa học để chuẩn hoá và đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan.

20. Ban hành văn bản quy định về hợp tác đối ngoại, trong đó có nội dung thúc đẩy nghiên cứu khoa học nhằm đáp ứng mục tiêu chiến lược và giá trị cốt lõi “hội nhập và phát triển” của Trường và các quy định về tiêu chuẩn đối tác, hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác, xây dựng kế hoạch cải tiến hợp tác thúc đẩy nghiên cứu khoa học. Cụ thể hoá KPIs về hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học; áp dụng mô hình tiếp cận hợp tác quốc tế tổng thể, trong đó hợp tác và hợp tác quốc tế thực hiện ở cả 3 cấp Trường, đơn vị trong Trường và các cá nhân.

21. Cập nhật các mục tiêu về phục vụ cộng đồng trong chiến lược phát triển, sớm ban hành các tiêu chuẩn chỉ báo đánh giá phục vụ cộng đồng theo các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc về đào tạo, bồi dưỡng nhân lực theo nhu cầu, thực hiện các nghiên cứu để tham vấn chính sách, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cho cộng đồng. Có quy định cụ thể nhiệm vụ và hướng dẫn quy đổi khối lượng phục vụ cộng đồng đối với cán bộ/giảng viên/sinh viên. Nghiên cứu xác lập các chỉ số về phục vụ cộng đồng, triển khai thực hiện, giám sát và đánh giá hiệu quả các hoạt động để có căn cứ cải tiến chất lượng.

22. Phân tích nguyên nhân, thời gian thôi học; tích cực thực hiện các biện pháp hỗ trợ giúp tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn, giảm tỉ lệ thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành đào tạo. Đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học khác; phân tách kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động theo từng chương trình đào tạo để có các biện pháp cải thiện hiệu quả. Tiếp tục điều chỉnh các chương trình đào tạo, cách thức tổ chức đào tạo và các hoạt động ngoại khoá, thực hành, thực tế để nâng cao hơn nữa chất lượng người học tốt nghiệp.

23. Đối sánh bài bản với các cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế để có những cải tiến hoạt động nghiên cứu khoa học phù hợp với giá trị cốt lõi “Trí tuệ-Sáng tạo-Hội nhập và Phát triển”. Khảo sát xác định nhu cầu của các bên sử dụng về sản phẩm nghiên cứu để xác định các hướng nghiên cứu mũi nhọn. Xây dựng hệ thống thúc đẩy khai thác tài sản trí tuệ thông qua chuyển giao và thương mại hoá sản phẩm nghiên cứu, tăng cường đầu tư kinh phí cho nghiên cứu khoa học nhằm đa dạng hoá các loại hình nghiên cứu khoa học. Thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp thông qua tiếp cận toàn diện về chính sách, giải pháp thực thi và đầu tư nguồn lực.

24. Xác định cụ thể loại hình, khối lượng kết nối phục vụ cộng đồng trên cơ sở tham

chiều với sứ mạng và tầm nhìn của Trường và để có căn cứ xác lập các chỉ tiêu thực hiện, khối lượng công việc phục vụ cộng đồng đối với từng cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học. Xây dựng văn bản hướng dẫn và quy trình giám sát, đối sánh các loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng với các chỉ số, chỉ báo cụ thể. Nghiên cứu xác lập mức độ tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội thể hiện cụ thể trong các kế hoạch phát triển, kế hoạch nhiệm vụ năm học và có hướng dẫn, kế hoạch triển khai phù hợp.

25. Có chiến lược và kế hoạch cụ thể đa dạng hóa nguồn thu và tăng hiệu quả hoạt động tài chính của các doanh nghiệp, bệnh viện trực thuộc. Chuẩn hóa mô hình và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ sinh thái Đào tạo - Nghiên cứu ứng dụng - Đổi mới sáng tạo. Quản lý việc thu thập các chỉ số tài chính, thị trường quan trọng, cốt lõi một cách có hệ thống, định kỳ và bám sát các chỉ tiêu đã lựa chọn. Phân tích cơ sở dữ liệu để đánh giá xu hướng thay đổi trong các thành phần của các chỉ số doanh thu, chi phí làm cơ sở cho Hội đồng trường, Ban Giám hiệu ra quyết định. Rà soát, đánh giá các chỉ số thị trường trên cơ sở yếu tố chất lượng và được đối sánh với các cơ sở giáo dục phù hợp để điều chỉnh các mục tiêu chiến lược và có chính sách cụ thể để nâng cao kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo. Xây dựng chiến lược tham gia xếp hạng và nâng cao vị trí của Trường trong các bảng xếp hạng đại học trong nước và quốc tế.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.
